

Bản án số: 47/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 17/8/2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Truyền Bình

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly Na - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 141/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2016/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2017/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2017 giữa các đương sự:

****Nguyên đơn:*** Bà **Trần Thị Diệu H**, sinh ngày 08/02/1979; Nơi ĐKKHKT: K356/88 đường H, phường B, quận H, Tp. Đà Nẵng. Nơi cư trú hiện nay: K63/12 đường L, phường N, quận H, Tp. Đà Nẵng. Có mặt.

* ***Bị đơn:*** Ông **Nguyễn Nho X**, sinh ngày 06/4/1975 ; Nơi cư trú hiện nay: K63/12 đường L, phường N, quận H, Tp. Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/05/2017, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Diệu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Nho X quen biết với nhau từ năm 1998 và chính thức kết hôn với nhau vào ngày 10/02/2003, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, Tp. Đà Nẵng; hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại K63/12 đường L, phường N, quận H, Tp. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến năm 20007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không có con và đã nộp đơn ra Tòa nhưng sau đó bà mang thai nên đã không

đến Tòa để giải quyết. Đến năm 2015 sau khi sinh được hai con vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn trầm trọng; tình cảm vợ chồng rạn nứt, cuộc sống chung ngày càng bức bối, nguyên nhân là do ông X thường xuyên đi sớm về khuya, vợ chồng không hòa hợp, không còn tình cảm với nhau, ông X có quan hệ với người phụ nữ khác và không có trách nhiệm với vợ con; ông X thường hay gây gổ và đánh đập bà; điển hình ngày 14/02/2016 ông X đánh bà phải nhập viện; sự việc đã được Công an phường Nam Dương, chính quyền địa phương khu phố ghi nhận; qua hòa giải ông X đã cam kết không tái phạm nhưng ông X vẫn không thay đổi. Do vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Nho X.

- Về con chung: Bà H xác định vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Nho H1, sinh ngày 29/8/2008 và Nguyễn Nho H2, sinh ngày 25/9/2011. Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu ông X phải đóng góp phí tổn nuôi con là 4.000.000 đồng/1 tháng/2 con, cho đến khi các con chung đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Bà H xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về có nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Nho X tham gia tố tụng để giải quyết vụ án nhưng ông X vắng mặt không có lý do nên không ghi được lời khai, ý kiến của ông Nguyễn Nho X.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2017, cháu Nguyễn Nho H1 thể hiện nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Các biên bản xác minh của Tòa án tại tổ dân phố và Công an phường N, quận H, Tp. Đà Nẵng nơi ông X bà H sinh sống thể hiện: Từ năm 1014 đến nay vợ chồng ông X và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi lộn, thậm chí xô xát lẫn nhau; công an phường đã nhiều lần lập biên bản ghi nhận sự việc và yêu cầu ông X và bà H cam kết không tái diễn việc gây mất trật tự khu phố và hành vi bạo lực gia đình nhưng vợ chồng ông X và bà H vẫn tiếp tục xung đột, đặc biệt từ năm 2016 đến nay thì mức độ ngày càng nghiêm trọng và thường xuyên hơn

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đại diện VKS đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà H xử cho bà H ly hôn ông X; về con chung: giao hai con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông X phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật; về tài sản chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu, về nợ chung đương sự xác định không có nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, ông Nguyễn Ngo X vắng mặt, xét bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì lý do bất khả kháng, nên căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Diệu H và ông Nguyễn Nho X đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông X, Tòa án nhận thấy: Căn cứ lời khai của bà H và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhận định: mâu thuẫn giữa bà H và ông X là trầm trọng, kéo dài; nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp về tình tính, không tin tưởng lẫn nhau; ông X vi phạm nghĩa vụ của người làm chồng, không thương yêu, chung thủy với vợ; có hành vi bạo lực gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án nhiều lần triệu tập ông X đến Tòa để hòa giải đoàn tụ nhưng ông X vẫn cố tình vắng mặt chứng tỏ ông X không tha thiết níu kéo cuộc hôn nhân này. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Trần Thị Diệu H được ly hôn ông Nguyễn Nho X.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Diệu H xác định bà và ông X có 02 người con chung là Nguyễn Nho H1, sinh ngày 29/8/2008 và Nguyễn Nho H2, sinh ngày 25/9/2011; ly hôn, bà có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi 2 con là 4.000.000đ/1 tháng/2 con (2.000.000đ/1 tháng/1 con) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Tòa án xét thấy: Khi giải quyết cho ly hôn thì việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chưa thành niên và có xem xét đến nguyện vọng của con trên 7 tuổi. Trong vụ án này, ông X vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thể hiện quan điểm về việc nuôi con; theo bà H xác định bà làm nghề môi giới bất động sản và thu nhập ổn định khoảng 15.000.000đ/tháng, có thể đảm bảo nuôi dạy cả hai con; trong khi đó theo bà H cung cấp ông X hiện buôn bán quần áo ở chợ Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng thu nhập khoảng 12.000.000đ/tháng; hơn nữa cháu H1 cũng có nguyện vọng được ở với bà H. Do đó, Tòa án quyết định giao cả hai cháu Nho H1 và Nho H2 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng: *theo quy định của pháp luật người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ quyết định.*

Xét mức cấp dưỡng nuôi con mà bà H yêu cầu là phù hợp và trong phạm vi khả năng cấp dưỡng của ông X nên Tòa án chấp nhận, buộc ông Nguyễn Nho X phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/1 tháng/2 con (

2.000.000 đồng/1 tháng/1 con chung). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 17/8/2017 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà H xác định có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông X không có lời khai gì về tài sản chung; nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Hiền xác định không có nợ chung, còn ông X không có lời khai về nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

Án phí ly hôn sơ thẩm, bà H phải chịu; án phí cấp dưỡng nuôi con ông X phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 107, 110, 116, 117 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “ly hôn” của bà Trần Thị Diệu H đối với ông Nguyễn Nho X. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Diệu H được ly hôn ông Nguyễn Nho X.

2. Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Nho H1, sinh ngày 29/8/2008 và Nguyễn Nho H2, sinh ngày 25/9/2011 cho bà Trần Thị Diệu H trực tiếp nuôi dưỡng; buộc ông Nguyễn Nho X phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là 4.000.000 đồng/1 tháng/2 con (2.000.000 đồng/1 tháng/1 con chung). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 09/8/2017 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Nguyễn Nho X không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hàng tháng thì ông X còn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% lãi suất giới hạn tại thời điểm

thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về nợ chung: nguyên đơn xác định không có nên không giải quyết

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Trần Thị Diệu H phải chịu là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại biên lai thu số 009422 ngày 31/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng. Như vậy, bà H đã nộp đủ tiền án phí.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Nho X phải chịu 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- UBND phường N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Trần Minh Long